



Sacred Dharma: The Single Intention

JIGTEN SUMGON

(versified by Lho Trinlé Namgyal)

THÁNH PHÁP: CHỈ DUY MỘT Ý CHỈ

TỔ JIGTEN SUMGON

(Lho Trinlé Namgyal chuyển thơ)

The hundred and fifty vajra statements

Một trăm năm mươi lời kim cương

Tibetan title

Tựa đề Tạng ngữ

Dam chos dgongs pa gcig pa'i gzhung

rDo rje'i gsung brgya lnga bcu pa zhes bya ba

Homage to the lord of the ten strengths,¹ the lion of the Shakya [family, the Buddha]!
Cung kính đánh lễ Vua của mười lực,² Sư Tử Vương của dòng tộc Thích Ca!

In the sphere of [Jigten Sumgön's] mind, free from stains, clear light,
[He sees] the knowable entities unmixed, just as they are.
[To you], all-seeing, omniscient lord of Dharma,
Unequaled, precious Drikungpa, I pay homage!

**Từ cảnh giới tâm tịch quang và bất nhiễm,
Ngài thấu suốt vạn hữu y như thật không pha tạp.
Đối trước Bậc Pháp Chủ Jigten Sumgon toàn tri toàn giác,
Con xin chí tâm đánh lễ Đấng Drikungpa Tôn Quý vô song.**

You, supreme victorious one, taught
This sacred Dharma, superior and extraordinary.
There are immeasurable understandings in your realizations,
But since [I, Sherab Jungné,] am deluded, I have written down just the little that I remember.

**Đấng Chiến Thắng, Bậc Vô Thượng Sư, đã truyền giảng
Thánh Pháp tối thượng và siêu phàm này
Là sự thông đạt vô biên đến từ thực chứng của Ngài
Nhưng do bản thân con, Sherab Jungné, là kẻ si mê, nên đã chỉ thuần túy chép xuống ít
phần con ghi nhớ.**



¹ Among the ten strengths of a buddha, nine are subsumed in the relative truth and the wisdom that knows the total extent of phenomena, while the tenth is the ultimate truth and the wisdom that knows the ultimate nature. They are (1) knowing what is possible and what is not possible, (2) knowing the results of actions, (3) knowing the various inclinations of beings, (4) knowing the various elements of sentient beings, (5) knowing the higher and lower faculties, (6) knowing to where all paths lead, (7) knowing the meditative absorption, levels of liberation, meditative equipoise, meditative concentration, etc., (8) knowing and remembering past lives, (9) knowing death, transference, and birth, and (10) knowing the exhaustion of afflictions.

² Trong số mười trí lực của một vị Phật, có chín loại trí lực quy về chân lý tương đối cùng với trí tuệ thấu biết toàn bộ các hiện tượng hữu vi, trong khi trí lực thứ mười quy về chân lý rốt ráo cùng với trí tuệ thấu suốt chân tánh tối hậu. Mười trí lực này bao gồm: (1) thấu biết điều gì có thể và điều gì chẳng thể, (2) thấu biết kết quả của các hành nghiệp, (3) thấu biết các khuynh hướng, căn cơ khác nhau của chúng sinh, (4) thấu biết các yếu tố khác nhau của chúng sinh, (5) thấu biết thượng căn và hạ căn, (6) thấu biết tất cả các đạo lộ tu tập đưa dẫn đến đâu, (7) thấu biết về định, các mức độ giải thoát, các mức độ định và các mức độ tập trung, v.v. (8) thấu biết và nhớ được các đời quá khứ, (9) thấu biết về cái chết, sự chuyển kiếp và sự tái sinh, và (10) thấu biết sự đoạn tận phiền não.

1. The Vital Points of the Dharma Wheels

Những Điểm Trọng Yếu Trong Các Lần Chuyển Pháp Luân

1.1 [The Buddha] taught the actual reality of the nature or state of all phenomena.

Đức Phật đã dạy về chân tướng thực tại – thể tánh chân thật của vạn pháp.

1.2 The eighty[-four] thousand groups of Dharma teachings are one [in being necessary] for the accomplishment of buddhahood.

Tám mươi bốn ngàn giáo pháp đều là nhất quán để đạt được Phật quả.

1.3 The collections [of teachings] and the classes of tantras are the stages of the path.

Tam tạng giáo điển và các cấp độ mật điển là các giai đoạn trên đạo lộ tu tập.

1.4 The three Dharma wheels [are taught for] the different realizations of the followers.

Ba lần chuyển Pháp luân được truyền giảng dành cho sự chứng ngộ khác nhau của các môn đồ.

1.5 In each Dharma wheel all the three are included.

Trong mỗi lần chuyển Pháp luân, cả ba lần chuyển Pháp luân đều được thâm nhiếp.

1.6 The seeds of the later [Dharma wheels] exist in each of the previous ones.

Hạt giống của mỗi lần chuyển Pháp luân vốn đã hiện hữu trong lần chuyển Pháp luân trước đó.

1.7 Due to [the meaning of] the sutras and the meaning [of the stages of practice], it is certain that there are three Dharma wheels.

Dựa vào ý nghĩa của Kinh điển và của các giai đoạn tu tập, ta có thể xác quyết là có ba lần chuyển Pháp luân.

1.8 The vinaya collection is the Dharma wheel of the four truths of the noble ones.

Luật tạng thuộc vào lần chuyển Pháp luân thứ nhất về Tứ Diệu Đế.

1.9 The various vehicles [of the third Dharma wheel] convey the wheel of the definitive meaning.

Các thừa khác nhau của lần chuyển Pháp luân thứ ba mô tả pháp luân của chân nghĩa tối hậu.

1.10 [Jigten Sumgön] maintains that the intention of the six positions exclusively comprises the definitive meaning.

Tổ Jigten Sumgön quả quyết rằng mục đích của sáu quan điểm truyền giáo chỉ duy nhất bao hàm chân nghĩa tối hậu chứ không gì khác.

1.11 The teachings on [all phenomena being] Mind Only reveal the Middle Way, free from extremes.

Các giáo lý về Duy Thức cho rằng mọi hiện tượng do tâm tạo đều làm hiển lộ Trung Đạo, lia thoát mọi cực đoan.

1.12 The mistaken relative reality is also able to perform a function.

Ngay cả một hiện thực tương đối dựa trên mê lầm cũng vẫn có thể có cái dụng riêng của nó.

1.13 All the paths progress through the ten stages.

Tất cả các lộ trình giải thoát đều tiến tu qua mười giai đoạn.

1.14 Furthermore, it is certain that one only enters [the paths] gradually.

Hơn nữa, có một điều chắc chắn là bất kỳ ai cũng phải bước vào các đạo lộ tu tập một cách tiệm tiến.

1.15 There are also some who first abandon the cognitive obscurations.

Cũng có những người buông bỏ được sở tri Chướng trước tiên.

1.16 Valid knowledge is the Buddha's knowing wisdom.

Chánh tri thức cũng chính là tuệ giác của Phật.

1.17 The result of valid knowledge reveals profound emptiness.

Kết quả của chánh tri thức là làm hiển lộ bản lai Không thâm diệu.

1.18 All the upholders of tenets are dogmatists.

Tất cả những ai nắm giữ các hệ thống luận lý thì đều là những người theo giáo điều.

1.19 Upholders of extreme views also have many virtuous practices.

Ngay cả những người nắm giữ các tri kiến cực đoan cũng vẫn có thể có nhiều thiện hạnh.

1.20 The difference between non-Buddhists and Buddhists is distinguished through refuge [in the Three Jewels].

Quy y Tam Bảo đánh dấu sự khác biệt giữa Phật tử và ngoại đạo.

1.21 The difference between the Great and the Common Vehicles is the generation of bodhichitta.

Sự khác biệt giữa Đại Thừa và Căn Bản Thừa chính là sự phát khởi Bồ Đề tâm.

1.22 The difference between the Sutra and Mantra [traditions] is empowerment.

Sự khác biệt giữa Kinh Thừa và Mật Thừa chính là quán đánh gia lược.

1.23 [If] either one of these two is lacking, it is impossible to attain the perfect awakening.

Nếu thiếu một trong hai thì sẽ chẳng thể nào đạt được toàn giác.

1.24 The three [sets of] vows have a single vital point in abandoning the ten non-virtues.

Điểm trọng yếu duy nhất của cả ba loại giới nguyện (Biệt Giải Thoát, Bồ Tát và Kim Cang giới) chính là từ bỏ mười bất thiện hạnh.

1.25 Through the progress of the possessor, the vows become three.

Thông qua sự tiến tu của người thọ giới nên mới có ba loại giới nguyện.

1.26 [The buddha nature is] naturally completely pure and endowed with the qualities of the result of separation.

Phật tánh ban sơ hoàn toàn thanh tịnh, vốn sẵn đủ các thắng hạnh của sự không dính chấp.

1.27 The thirty-seven factors of awakening exist in the buddha nature.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo để đạt giác ngộ vốn hiện hữu ngay nơi Phật tánh.

1.28 The four immeasurables are the very essence of a buddha.

Tứ vô lượng chính là yếu tánh của một vị Phật.

1.29 All the vehicles are [ultimately] a single vehicle for a single spiritual disposition.

Tất cả các thừa rốt ráo đều là nhất thừa dành cho duy nhất một căn cơ tu đạo.

1.30. Even listeners, self-realized buddhas, and those with perverted clinging will attain omniscience.

Ngay cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác và những kẻ lầm chấp cũng sẽ đạt toàn tri.



2. The Vital Points of Dependent Origination

Những Điểm Trọng Yếu của Lý Nhân Duyên

2.1. There are only virtue and non-virtue. There is no neutral [action].

Chỉ có thiện hạnh và bất thiện hạnh. Chẳng có cái gì là vô ký (chẳng thiện chẳng ác).

2.2. It is not possible for two conceptual thoughts to occur simultaneously.

Chẳng thể nào có hai vọng niệm hiện hữu đồng một lúc.

2.3. It also happens that the [main] mind arises from the mental factors.

Đôi khi Tự tâm lại hiển lộ từ chính các ý niệm.

2.4.[The Kagyu masters] maintain that the body indeed transmigrates in the ocean of samsara.

Chư Đạo Sư dòng Kagyu quả quyết rằng chính thân xác là cái luân chuyển trong đại dương luân hồi.

2.5. The twelve [links] of dependent origination are only activated by ignorance.

Mười hai móc xích nhân duyên khởi sinh chỉ do bởi vô minh.

2.6. Furthermore, those twelve [links] are completed in a moment.

Hơn nữa, trong mỗi một khoảnh khắc cũng vốn đầy đủ mười hai móc xích nhân duyên.

2.7. Due to the different minds, the appearances are also [different].

Do bởi có sự khác biệt nơi tâm nên các hiện tượng mới khác biệt.

2.8. In this present time, one experiences the results of whatever one accomplishes.

Ngay khoảnh khắc hiện tại, ta trải nghiệm nhân quả đến từ bất kỳ điều gì ta thành tựu.

2.9. The increase or decrease of time can be influenced in the present.

Thời gian tăng hay giảm (thịnh hay suy) có thể được tác động ngay trong hiện tại.

2.10. In this very life, mainly [the karmic results that are] phenomena experienced in this life occur.

Phần lớn các hiện tượng nghiệp báo đều được trải nghiệm ngay trong đời này.

2.11. The sixteen codes for human beings and the divine codes have a single vital point.

Mười sáu hạnh làm người và các Thánh hạnh đều có cùng một điểm tinh yếu.

2.12. Except being a principal or merely a secondary [periods*], the attainment of fruition is not disrupted.

Cho dù là thời thịnh pháp hay thời tượng pháp, sự chứng đạo chưa bao giờ bị gián đoạn.

2.13. It also happens that one begins with the training in discriminative wisdom.

Cũng có khi có người lại khởi tu bằng cách rèn luyện trí tuệ khéo rõ biết phân biệt.

2.14. One needs to practice all the stages of the path in a single session.

Trong mỗi thời công phu, phải thực hành đầy đủ tất cả các giai đoạn của đạo lộ giải thoát.

2.15. Even to a single realm, countless buddhas come.

Dù chỉ trong một quốc độ cũng có vô lượng Chư Phật xuất hiện.



3. The Vital Points of Individual Liberation

Những Điểm Trọng Yếu của Biệt Giải Thoát Giới

3.1. The sacred Dharma teachings of the vinaya are common [to all the] vehicles.

Luật tạng là Thánh giáo chung nhất cho tất cả các thừa.

3.2. [The vinaya] clearly exists even more so within the Great Vehicle.

Luật tạng còn càng rõ ràng minh bạch hơn nữa trong Đại Thừa.

3.3. This very [vinaya] is the omniscient wisdom.

Chính Luật tạng lại là tuệ giác toàn tri.

3.4. Even for someone with obstacles, it is certain that the vows will arise.

Thậm chí những người bị che chướng cũng vẫn thọ được giới.

3.5. The essence [of the vows] is imperceptible form.

Tinh túy của giới luật là vô biểu sắc bất khả tư nghì.

3.6. For all transgressions, the motivation is principal.

Phạm giới hay không, chủ yếu là do động cơ.

3.7. It is the three [non-virtues] of the mind that one must mainly abandon.

Chủ yếu là phải dứt trừ ba loại bất thiện hạnh của tâm.

3.8. With the causes for losing [the vows], it also happens that they are not lost.

Cũng có những khi nếu xét đến nguyên nhân của việc phạm giới, thì những giới này lại không bị mất (không bị vi phạm).

3.9. The four defeats are like a wealthy debtor.

Bốn sự sa đọa tựa như một chủ nợ rách rưới.

3.10. By keeping one [vow], one will attain the result of nirvana.

Duy nhất chỉ giữ một giới thì cũng sẽ đạt được quả Niết bàn.

3.11. The established and the natural misdeeds are the same.

Cấm hạnh và bất thiện hạnh là như nhau.

3.12. Vice and downfall are not different but the same.

Ác hạnh và các sa đọa không khác gì nhau mà giống như nhau.

3.13. The prohibitions are always prohibited, and the permissions are always permitted.

Những điều bị ngăn cấm là những gì vốn không được phép làm, và những điều được làm là những gì vốn được cho phép.

3.14. The king of Dharma established [the vinaya] for beings in general.

Đấng Pháp Vương đã chế giới dành cho chúng sinh nói chung.

3.15. Whichever being transgresses [this general vinaya] is at fault.

Bất kỳ chúng sinh nào vi phạm các giới phổ quát thì cũng đều mắc lỗi.

3.16. The benefits of keeping [the vows] also occur for everyone.

Ai ai cũng đều sẽ được lợi lạc qua việc giữ giới.

3.17. For the [vinaya] teachings, the ritual is especially important.

Đối với các giáo lý của Luật tạng thì các nghi thức vô cùng quan trọng.

3.18. Not knowing or delusion is heavier than other faults.

Thiếu hiểu biết, hay mê lầm, là một lỗi lầm còn nặng nề hơn cả những sai lầm khác.

3.19. Since the animals are greatly deluded, [such a birth] is inferior.

Làm kiếp thú là do mê lầm sâu dầy, nên đó là một sự đầu thai thấp kém.

3.20. [Jigten Sumgön] maintains that it is a greater fault to not obtain [the vows] than to damage them.

Tổ Jigten Sumgon quả quyết rằng không thọ giới là một sai lầm còn to lớn hơn cả việc phạm giới.



4. The Vital Points of the Bodhisattva Vows

Những Điểm Trọng Yếu của Bồ Tát Giới

4.1. Bodhichitta and compassion are different.

Tâm Bồ Đề khác với tâm bi.

4.2. [Jigten Sumgön] maintains that the bodhisattva vows have a foundation.

Tổ Jigten Sumgon quả quyết rằng Bồ Tát giới đều được đặt trên một nền tảng.

4.3. The vows of engaging bodhichitta also arise in ordinary beings.

Bồ Đề tâm hạnh cũng có thể phát khởi trong các chúng sinh bình phàm.

4.4. Any kind [of virtue] turns into the vows of engaging bodhichitta.

Bất kỳ thiện hạnh nào cũng có thể trở thành các giới của Bồ Đề tâm hạnh.

4.5. A transgression without afflictions is impossible.

Không có phiền não thì chẳng thể nào phạm giới.

4.6. Non-virtues that do not become faults are not permitted.

Dù bất thiện hạnh không trở thành lỗi lầm thì cũng không được phép vi phạm.

4.7. In skillful conduct, there cannot be non-virtue.

Trong hành vi thiện xảo thì chẳng thể nào có bất thiện hạnh.

4.8. There are cases when exchanging oneself and others becomes a fault.

Có những trường hợp khi hoán đổi giữa ta và người thì lại trở thành là một sai lầm.

4.9. If one harms a bodhisattva, one will not have a connection with happiness.

Nếu làm tổn hại một vị Bồ Tát thì chẳng thể nào kết nối được với hạnh phúc.

4.10. The results of virtue and non-virtue arise individually.

Thiện hạnh và bất thiện hạnh sẽ trở quả riêng lẻ (gọi là quả tương ứng với hạnh).

4.11. Bodhichitta can be forgotten, but it is not possible to lose it.

Dù ta có thể lãng quên Bồ Đề tâm, nhưng Bồ Đề tâm vẫn chẳng thể nào mất được.

4.12. The three obscurations are the same in being the afflictive obscurations.

Cả ba loại chướng ngại, tựu chung cũng chỉ là phiền não chướng.

4.13. All the tenet systems obscure the ultimate truth.

Tất cả các hệ thống luận lý đều che mờ chân lý tối hậu.

4.14. The listeners also see a limited portion of the actual reality.

Chư Thanh Văn cũng phần nào thấy được chân thực tại.

4.15. The sixth and lower [bodhisattva] stages are common for listeners and self-realized buddhas.

Cảnh giới Bồ Tát lục địa trở xuống là chung với cảnh giới của hàng Thanh Văn Duyên Giác.

4.16. The upholders of Mind Only have the clear realization of the seventh stage.

Các vị thủ ngôi của Duy Thức có sự chứng ngộ thông suốt ngang bằng Chư Bồ Tát địa thứ bảy.

4.17. The lack of identity of phenomena is manifested on the eighth stage.

Sự chứng ngộ chư pháp vô ngã sẽ hiển hiện ở địa thứ tám.

4.18. With the same realization one traverses all the stages and paths.

Với sự chứng ngộ chung đồng, ta đi xuyên qua các giai đoạn và các lộ trình tu đạo.

4.19. There are six alternative ways in which the qualities of attaining the stages arise.

Có thêm sáu cách thức khác mà qua đó phẩm hạnh của các giai đoạn tu tập sẽ khởi sinh.

4.20. The two accumulations are unified in the ground, path, and fruition.

Sự tích lũy phước trí được hợp nhất ngay nơi nền tảng, đạo và quả.

4.21. It is profound when persons of higher and lower capacities always choose a high support [for merit].

Căn cơ dù thấp hay cao vẫn luôn lấy một phước điền cao làm nơi y tựa để tích phước, đây là điểm thậm thâm.

4.22. [Jigten Sumgön] maintains that ownership is a skillful means to gather the accumulations [of merit and wisdom].

Tổ Jigten Sumgon quả quyết rằng sự chấp thủ là một thiện phương tiện để tích lũy phước trí.

4.23. Dedicate the accumulated and inherent virtues of all of samsara and nirvana.

Hãy hồi hướng mọi thiện căn vốn có và mọi thiện căn đã tích lũy trong toàn bộ luân hồi lần niết bàn.

4.24. One also needs to make dedications for the buddhas and the gurus.

Ta cũng cần phải hồi hướng đến cả Chư Phật và Chư Đạo sư.



5. The Vital Points of the Vows of the Secret Mantra

Những Điểm Trọng Yếu Của Mật Giáo

5.1. The Secret Mantra also occurs in the teachings of other [buddhas].

Mật giáo cũng xuất hiện trong những giáo lý của các vị Phật khác.

5.2. [Jigten Sumgön] maintains that when the meaning of an empowerment has arisen in one's mind stream, one has obtained it.

Tổ Jigten Sumgon quả quyết rằng một người chỉ thực sự nhận được gia lực khi ý nghĩa của gia lực được khai mở nơi dòng tâm thức.

5.3. Empowerment is obtained even with a single deity.

Dù chỉ với một Bồ Tôn duy nhất thì cũng nhận được gia lực.

5.4. If realization has not arisen, one has not mastered the analogical and the actual [wisdom].

Nếu chứng ngộ chưa khởi sinh thì chẳng thể đạt được trí tuệ về ẩn dụ và liễu nghĩa.

5.5. The generation stage is primordially the absolute nature.

Giai đoạn sinh khởi vốn là Chân tánh rất ráo tự nguyên sơ.

5.6. Those with self-arisen [realizations] [also] need initiating rituals.

Các vị tự ngộ cũng cần các nghi thức khai tâm.

5.7. All the deities have the qualities of the marks and signs [of a buddha].

Hết thảy Chư Bồ Tôn đều có phẩm hạnh của các tướng hảo chính và phụ của một vị Phật.

5.8. One should take [the characteristics of] the deities taught in the sutras and tantras as most important.

Hãy xem Chư Bồ Tôn, như đã được dạy trong Kinh điển và Mật điển, là quan trọng hơn hết.

5.9. Those with superior faculties need extensive rituals.

Hàng thượng căn lại càng cần các nghi lễ phức tạp hơn nữa.

5.10. All [ritual] elaborations are a natural dependent origination.

Tất cả những hình thức phong phú của các nghi lễ đều là duyên khởi tự nhiên.

5.11. [Jigten Sumgön] maintains that the vajra body is a profound cycle.

Tổ Jigten Sumgon quả quyết rằng thân kim cang là pháp luân thâm diệu.

5.12. Some topics are hidden by Vajradhara.

Có những đề mục được Kim Cang Trì Như Lai niêm kín.

5.13. Some treatments and [explanations of physical] conditions are more profound in the medical tantras.

Một số phương pháp trị liệu và các giải thích về sinh lý học trong Y học Mật điển còn thâm diệu hơn các Mật điển khác trong Mật Thừa.

5.14. What is not profound for others is profound here.

Điều mà người khác xem là không thâm diệu thì lại thâm diệu ở đây.

5.15. Without those [foundations], one does not attain buddhahood through the instructions of the channels and energies.

Nếu không có các nền tảng đó thì sẽ chẳng thể đạt được Phật quả nhờ vào các giáo huấn về kinh mạch và khí.

5.16. Experiences that contradict the [Buddha's] words are misconceptions.

Các kinh nghiệm nào đi ngược lại với lời Phật dạy thì đều là lầm lạc.

5.17. One must know all [the Buddha's] viewpoints to be without contradiction.

Phải hiểu rằng không có gì đối nghịch trong Phật tri kiến.

5.18. [Jigten Sumgön] maintains that [the results of practice] are not according to instructions [but] arise according to the [Buddha's] words.

Tổ Jigten Sumgon quả quyết rằng kết quả của công phu tu tập phát khởi từ lời Phật dạy, chứ không phải dựa vào các hướng dẫn trực chỉ.

5.19. Faultless meditative concentration is the cause of the three realms of samsara.

Định tâm chẳng vọng là nhân của tam giới trong luân hồi.

5.20. In each of the three kayas, the other two are also present.

Trong mỗi một Thân trong ba Thân Phật vốn hiện diện đầy đủ cả hai Thân kia.

5.21. In the Secret Mantra, discipline is indispensable.

Trong Mật giáo, giới hạnh là điều không thể thiếu.

5.22. In that desire causes obstacles, the Sutra and the Mantra [traditions] are the same.

Dù là Hiển giáo hay Mật giáo thì dục vọng cũng đều đưa đến chướng ngại.

5.23. There is no occasion when the non-virtues of the Mantra [tradition] become virtues.
Trong Mật giáo, không hề có chuyện các bất thiện hạnh lại trở thành thiện hạnh.

5.24. What is non-virtuous in the vinaya also does not become virtuous in the Mantra [tradition].

Cũng thế, bất thiện hạnh trong Luật tạng chẳng thể trở thành thiện hạnh trong Mật Thừa.

5.25. The result of purifying the mental afflictions is the state of a sugata.

Kết quả của việc tịnh hóa mọi phiền não là cảnh giới của Đấng Thiệt Thệ.

5.26. The powers are merely demonstrated; violent activities are not permitted.

Thần lực chỉ thuần túy được sử dụng để minh chứng; không được phép thực hành các hoạt động hung bạo.

5.27. The vajra hell is the [Hell of] Ceaseless Torment, and so on.

Địa ngục kim cang chính là địa ngục Vô Gián và vân vân.

5.28. If the master's level of mind is high, [he can] quickly pull one up.

Nếu tâm Đạo sư ở tầng thậm thâm thì có thể nhanh chóng kéo ta lên khỏi cõi thấp.



6. The Vital Points of View, Meditation, and Conduct

Những Điểm Trọng Yếu Của Kiến, Thiền Và Hành

6.1. Any sacred Dharma teachings that are connected with a lineage are profound.

Bất kỳ giáo pháp nào có kết nối với một dòng truyền thừa thì cũng đều thâm diệu.

6.2. All phenomena of samsara and nirvana are only appearances of one's own mind.

Toàn bộ các hiện tượng trong luân hồi và Niết bàn chỉ đơn thuần là hiện tượng của tâm.

6.3. Causes and results are manifestations of momentary thoughts.

Nhân và quả là sự hóa hiện của các khoảnh khắc niệm tưởng.

6.4. It is not possible that something that does not exist in the fundamental nature can turn into [something else] by viewing [it to be so].

Nếu tự bản thể vốn chưa từng hiện hữu như vậy thì chẳng thể trở thành cái gì khác thông qua sự giả định.

6.5. [A guru] who does not have the qualifications is not able to produce the qualities.
Một vị Đạo Sư không đầy đủ phẩm hạnh thì chẳng thể nào tạo được các thắng hạnh nơi đệ tử.

6.6. It is certain that the means for generating realization is only devotion.
Có thể xác quyết rằng phương tiện khai ngộ chỉ đơn thuần là lòng quy ngưỡng sùng mộ.

6.7. The best view is endowed with realization.
Tri kiến tối thắng vốn sẵn đủ sự chứng ngộ trong đó.

6.8. The supreme realization is not reached by the three great [systems].
Không thể triệt ngộ thông qua ba đại môn (Đại Thủ Ấn, Đại Viên Mãn và Trung Đạo).

6.9. The emptiness [that is an object] of learning, contemplation, and meditation is a [way of] straying and deviation.
Nếu bản lai Không trở thành một đối tượng của văn, tư, tu thì đó là một cách thức lầm lạc.

6.10. Meditation is habituation to realization.
Thiền là thuần thực với cảnh giới chứng ngộ.

6.11. [Jigten Sumgön] maintains that the conduct that is free from adopting and rejecting is discipline.
Tổ Jigten Sumgon quả quyết rằng hành vi nào thoát khỏi lấy và bỏ thì đó là giới hạnh.

6.12. The view, meditation, and conduct are not distinct but one.
Kiến, thiền và hành không khác biệt nhau mà chính là một.

6.13. Mahamudra and discipline have a single vital point; [this is Jigten Sumgön's] unique teaching.
Đại Thủ Ấn và giới hạnh có cùng một điểm tinh yếu – đây chính là giáo lý đặc thù của Tổ Jigten Sumgon.

6.14. Mahamudra has the nature of all qualities.
Đại Thủ Ấn vốn là bản tánh của tất cả các thắng hạnh.

6.15. All qualities arise from meditative equipoise.
Hết thắng các thắng hạnh đều khởi sinh từ chánh định.

6.16. If one does not accomplish the cause, it is impossible that qualities will arise.
Nếu không thành tựu được chánh nhân thì quả phạm hạnh chẳng thể phát sinh.

6.17. If emptiness is realized, that itself arises as cause and result.

Khi thể chứng bản lai Không, thì chính đấy sẽ khởi hiện như là nhân và quả.

6.18. Even for a realized one, the path of methods is especially necessary.

Ngay cả đối với người đã chứng ngộ, con đường thiện phương tiện vẫn đặc biệt cần thiết.

6.19. The superior conduct of realized awareness is discipline.

Hạnh tối thắng của giác tánh tỏ thông chính là trì giới.

6.20. If one is not endowed with the three Dharma [practices], one is not different from listeners and self-realized buddhas.

Nếu không hội đủ ba pháp hành thì chẳng khác nào Chư Thanh Văn, Duyên Giác.



7. The Vital Points of the Fruition

Những Điểm Trọng Yếu Của Đạo Quả

7.1. At the stage of buddhahood, the two truths are completely indivisible.

Trong cảnh giới của Phật, hai chân lý hợp nhất bất khả phân.

7.2. [A buddha's] knowing wisdom is non-dual and free from extremes.

Trí giác Phật vốn bất nhị và thoát khỏi các cực đoan.

7.3. [A buddha] is completely beyond illusory phenomena.

Một vị Phật hoàn toàn vượt thoát các hiện tượng như huyễn.

7.4. A buddha dwells at all times, permanently, in valid cognition.

Một vị Phật vĩnh viễn hiển hiện nơi chánh biến tri trong mọi thời mọi lúc.

7.5. [Jigten Sumgön] maintains that the result of separation is endowed with the wisdom mind.

Tổ Jigten Sumgon quả quyết rằng thắng quả vô trụ vốn sẵn có nơi chánh trí.

7.6. The dharmakaya is endowed with qualities, deeds, and activities.

Pháp thân vốn sẵn đủ các diệu phẩm, oai nghi và công hạnh giác ngộ.

7.7. The resolve of bodhichitta exists even on the final stage of buddhahood.

Thậm chí trong cảnh giới viên mãn của Phật quả, Bồ Đề tâm vẫn kiên trụ.

7.8. Buddha’s mind also occurs down to the views of eternalism and nihilism.

Tâm viên giác cũng hiện hữu ngay nơi thường kiến (chấp có) và đoạn kiến (chấp không).

7.9. All possible knowable phenomena perform the Buddha’s actions.

Toàn bộ mọi hiện tượng có thể thấy biết được trong pháp giới đều là sự hoạt dụng của các công hạnh Phật.

7.10. [Jigten Sumgön] maintains that one needs to become a buddha in terms of the entire absolute space of phenomena.

Tổ Jigten Sumgon quả quyết rằng ta nhất thiết phải trở thành Phật, đồng nghĩa với toàn bộ hư không pháp giới viên mãn tối hậu.

7.11. A [buddha] emanation without a cause is impossible; [it is its] own continuum.

Không thể nào có một Ứng Thân nếu không có nhân tương ứng; mỗi một Ứng Thân đều vốn tự tương tục.

7.12. What is called a buddha is the kaya of dependent origination.

Phật chính là Chân thân của duyên sinh.

7.13. [Jigten Sumgön] also maintains that the aspiring bodhichitta is the cause for the sambhogakaya, and the engaging bodhichitta is the cause for the nirmanakaya.

Tổ Jigten Sumgon quả quyết rằng Bồ Đề tâm nguyện là chánh nhân cho Báo Thân, và Bồ Đề tâm hạnh chính là chánh nhân cho Ứng Hóa Thân.

7.14. The three kayas are not separate but abide [continuously together].

Tam thân Phật không tách lìa mà đồng trụ một cách tương tục.

7.15. All the buddhas abide in beings’ mind streams.

Hết thảy Chư Phật đều thường ngay nơi dòng tâm thức của chúng sinh.

This is an excerpt from the forthcoming book “The Single Intention by Jigten Sumgön, With Commentary by Khenpo Kunpal and Overview by Rinchen Jangchub” translated by Solvej Hyveled Nielsen, to be published by Edition Garchen Stiftung, German (www.garchen-stiftung.de/en/).

Trên đây là những trích đoạn được rút tĩa từ một quyển sách sắp được xuất bản mang tên “Chỉ Duy Một Ý Chỉ của Tổ Jigten Sumgon, với Lời Bình Giảng của Khenpo Kunpal và phần Tóm Lược của

Rinchen Jangchub”, được chuyển ngữ bởi Solvei Hyeved Nielsen, do Edition Garchen Stiftung, Germany ấn hành (www.garchen-stiftung.de/en/).

Cung kính bái lạy Tổ muôn ngàn vạn lạy, cung kính tri ân Tổ muôn ngàn vạn lần, cũng không thể nói hết được lòng nhớ thương sùng kính sâu trong tâm – Tâm Bảo Đàn (Konchog Changchup Drolma) trân kính chuyển Việt ngữ với sự góp ý của Nguyên Khê vào tháng 6, 2021 và hiệu đính lần thứ nhất vào tháng 10, 2022. Chúng con xin thành tâm sám hối mọi sai sót. Khi có thể thấu suốt chân nghĩa một cách rõ ràng hơn trong tương lai thì bản dịch sẽ tiếp tục được hiệu đính. Nguyên lợi lạc miên viễn và xin chí tâm hồi hướng lên quả vị giác ngộ của toàn thể chúng sinh. Email: bodetam4all@gmail.com.